TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1263/2025/DS-ST
Ngày: 07/11/2025
V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đặng Thị Vân Hương.**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Nguyên**

2. Bà Trương Thị Kim Chọn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Đặng Thị Thuý –** Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành Phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành Phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà **Vũ Thị Thái**– Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 180/2025/TLST-DS ngày 17/3/2025 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 521/2025/QĐXXST-DS ngày 15/9/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 479/2025/QĐST-DS ngày 19/10/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phùng Th, sinh năm: 1994;

Địa chỉ: xã H, huyện Nh, Thành Phố Hồ Chí Minh (nay là xã H, Thành Phố Hồ Chí Minh).

Người được ủy quyền: Công ty Luật T.

Địa chỉ: Nguyễn V, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Võ Ng**, sinh năm: 1998;

Địa chỉ: C29/27 ấp 3 xã Hưng Long, huyện Bình Chánh (cũ), nay là xã Hưng Long, Thành phố Hồ Chí Minh

3. **Người có quyền và nghĩa vụ liên quan**

Công ty T.

Địa chỉ: 12B, Toà nhà Cienco 4,180 Nguyễ phường V, Quận B nay là Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh

(Bà Phùng Th có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên Tòa)

Ông Võ Ng và người đại diện hợp pháp Công ty Công ty T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/12/2024 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án Bà Phùng Th trình bày:

Ngày 16 tháng 7 năm 2023, thông qua việc tìm hiểu trên mạng xã hội, bà được biết đến Công ty T (sau đây gọi tắt là *"Công ty T"*), do ông Võ Ng giữ chức vụ Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật. Theo thông tin bà tiếp cận, Công ty T có cung cấp dịch vụ hỗ trợ xin visa đi Hoa Kỳ.

Sau đó, bà đã liên hệ và trao đổi với ông Võ Ng qua ứng dụng Zalo để được tư vấn về quy trình, thủ tục, hồ sơ cần chuẩn bị cũng như các khoản phí liên quan. Trong quá trình trao đổi, ông Khang thông báo rằng bà cần đóng số tiền 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)* để tiến hành làm hồ sơ xin visa Hoa Kỳ, đồng thời đặt cọc thêm 48.000.000 đồng *(bốn mươi tám triệu đồng)*. Bà đã thực hiện chuyển khoản đầy đủ hai khoản tiền nêu trên vào tài khoản cá nhân của ông Khang, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 25/7/2023, bà chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản số 56788686888, mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội, đứng tên Võ Ng, với nội dung chuyển khoản: *"PHUNG THI H phu phi J1 USA"*. Mã giao dịch: FT23206445028760.

Lần 2: Cùng ngày 25/7/2023, bà tiếp tục chuyển khoản số tiền 48.000.000 đồng vào cùng tài khoản trên, với nội dung: *"PHUNG THI H B1 USA"*. Mã giao dịch: FT23206509762203.

Tổng cộng, bà đã chuyển số tiền 58.000.000 đồng *(năm mươi tám triệu đồng)*. Cả hai lần chuyển khoản đều thực hiện đến tài khoản cá nhân của ông Võ Ng, không phải tài khoản ngân hàng của Công ty T. Khi bà thắc mắc, ông Khang cho biết việc này nhằm tránh bị tính thuế giá trị gia tăng (VAT) 10%. Bà xin khẳng định, trong suốt quá trình làm việc với ông Khang và Công ty T, bà không ký kết bất kỳ hợp đồng dịch vụ nào; toàn bộ quá trình trao đổi đều diễn ra qua tin nhắn Zalo. Theo cam kết bằng lời nói của ông Khang, trường hợp bà không vượt qua vòng kiểm tra tiếng Anh hay hồ sơ không đạt yêu cầu, bà sẽ được hoàn trả toàn bộ số tiền đã đóng.

Ngày 04/8/2023, bà nhận được tin nhắn từ tài khoản Zalo có tên Thanh Uyên, người này tự giới thiệu là nhân viên bên ông Khang, thông báo bà sẽ tham gia phỏng vấn tiếng Anh vào lúc 19 giờ ngày 05/8/2023. Tuy nhiên, vào lúc 18 giờ 56 phút cùng ngày, người này gọi điện phỏng vấn bà qua Zalo, thời lượng cuộc phỏng vấn chỉ kéo dài 3 phút 36 giây.

Tiếp đến, vào ngày 04/12/2023, bà được tham gia một buổi phỏng vấn thứ hai, thời lượng kéo dài khoảng 18 phút. Tuy nhiên, ở cả hai buổi phỏng vấn tiếng Anh này, bà không được phía Công ty T phổ biến trước các quy định cụ thể, tiêu chí đánh giá, cũng như hình thức và tiêu chuẩn đậu/rớt. Sau mỗi buổi kiểm tra, bà chỉ được thông báo rằng không đạt yêu cầu.

Bà nhận thấy có nhiều dấu hiệu thiếu minh bạch và có khả năng gian dối trong cách thức làm việc của ông Võ Ng và Công ty T, cụ thể:

Việc yêu cầu bà chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của ông Khang thay vì tài khoản công ty;

Quá trình kiểm tra tiếng Anh chỉ do một người thực hiện qua ứng dụng Zalo, thời gian cực kỳ ngắn, không có quy định hay hướng dẫn cụ thể nào được cung cấp.

Sau khi nhận kết quả không đạt từ Công ty T, bà đã nhiều lần yêu cầu ông Võ Ng hoàn trả lại số tiền đã đóng, nhưng ông Khang chỉ đồng ý trả lại 13.000.000 đồng với lý do "khó khăn tài chính", đồng thời không thực hiện hoàn trả phần còn lại. Bà đã nhiều lần trực tiếp đến gặp để yêu cầu giải quyết, nhưng ông Khang lẩn tránh, không tiếp xúc.

Về số điện thoại Zalo mà bà sử dụng để liên hệ với ông Khang là 0708820030, được bà có được qua danh thiếp do bạn bè giới thiệu. Trên danh thiếp có in rõ số điện thoại này. Khi bà tra cứu số điện thoại này trên Zalo, tài khoản hiện lên với tên Brian Võ – Lao Động Và Định Cư Canada, chính là ông Võ Ng (bà lưu trong danh bạ là A Khang).

Bị đơn là ông Võ Ng vắng mặt trong tất cả các làm việc, lần hoà giải, xét xử nên không có văn bản trình bày.

***Người có quyền và nghĩa vụ liên quan**: Công ty T vắng mặt trong tất cả các làm việc, lần hoà giải, xét xử nên không có văn bản trình bày.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Áp dụng Điều 21, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 BLTTDS năm 2015; Áp dụng Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phùng Th đối với ông Võ Ng.

Về án phí: đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định: Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[1] Bà Phùng Th khởi kiện yêu cầu ông Võ Nguyễn Trọng về việc tranh chấp đòi lại tài sản, ông Võ Ng hiện đang cư trú ở C29/27 ấp 3 xã Hưng Long, thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Võ Ng và Công ty T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào năm 2023 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giải quyết vụ án.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Võ Ng, Công ty T nhưng đương sự vẫn vắng mặt không đến Tòa án giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp tài liệu, chứng cứ bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Điều này cho thấy đương sự đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn là Bà Phùng Th yêu cầu ông Võ Ng hoàn trả lại số tiền 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

[6] Theo lời trình bày của nguyên đơn thể hiện do có nhu cầu đi lao động ở nước ngoài và qua tìm hiểu trên mạng xã hội thì nguyên đơn có liên hệ qua zalo với bị đơn ông Võ Ng và được tư vấn làm hồ sơ Visa đi Mỹ. Quá trình được tư vấn thì bà Nh được biết thông tin ông Võ Ng làm giám đốc của Công ty T. Tuy nhiên, quá trình liên hệ và được tư vấn thì bà Nh chỉ liên hệ qua zalo với ông Khang, bà Nh không ký kết bất cứ hợp đồng hay thỏa thuận nào với Công ty T cũng như không ký kết hợp đồng, văn bản nào với ông Khang. Theo hướng dẫn của ông Khang thì bà Nh cần phải đóng tiền để làm hồ sơ Visa đi Mỹ nếu không đậu Visa thì bà Nh được hoàn lại tiền, bà Nh đã đóng tiền bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của ông Khang tổng cộng 58.000.000 đồng (cụ thể là 02 lần, lần 1 bà Nh chuyển khoản 10.000.000 đồng vào ngày 25/7/2023 với lời nhắn *"PHUNG THI H phu phi J1 USA"*, lần 2 bà Nh chuyển khoản 48.000.000 đồng vào ngày 25/7/2023 với lời nhắn: *PHUNG THI H B1 USA*. Sau đó bà Nh được thông báo không đậu phần kiểm tra tiếng anh thì bà Nh yêu cầu ông Khang hoàn trả lại tiền nhưng ông Khang trốn tránh không gặp bà Nh.

[7] Căn cứ Sao kê tài khoản ngân hàng của Bà Phùng Th tại ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam thể hiện bà Nh có chuyển khoản vào số tài khoản 56788686888 của ông Võ Ng tại Ngân hàng TMCP Quân đội 02 lần tổng cộng 58.000.0000 đồng như lời trình bày của nguyên đơn.

[8] Căn cứ thông tin doanh nghiệp, thông tin mã số thuế của Công ty T thể hiện ngành nghề chính của Công ty T là buôn bán đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Buôn bán sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; đồ dùng khác cho gia đình (trù phẩm). Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ.

[9] Nhận thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch dân sự về việc bị đơn và Công ty T hướng dẫn làm thủ tục Visa đi Mỹ cho nguyên đơn; giữa nguyên đơn, bị đơn và Công ty T không có ký kết hợp đồng, văn bản thỏa thuận nào, số tiền nguyên đơn chuyển là vào số tài khoản cá nhân của bị đơn, ngành nghề hoạt động của Công ty T không có dịch vụ làm thủ tục Visa đi nước ngoài, cá nhân bị đơn và Công ty T không có chức năng hoạt động làm thủ tục Visa đi Mỹ, do đó nhận thấy mục đích của giao dịch giữa các đương sự không đạt được nên căn cứ Điều 116, Điều 118, Điều 166 Bộ luật dân sự 2015 có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[10] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Phùng Th đối với ông Võ Ng về việc tranh chấp đòi lại tài sản. Buộc ông Khang có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Nh số tiền đã nhận là 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng)

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 6 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; cụ thể: ông Võ Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.900.000 đồng (Hai triệu chín trăm nghìn đồng)

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 116, Điều 118, Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Phùng Th đối với ông Võ Ng về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

Buộc ông Võ Ng có trách nhiệm hoàn trả lại cho Bà Phùng Th số tiền đã nhận là 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các bên thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Võ Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.900.000 đồng (Hai triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Trả lại cho Bà Phùng Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.450.000 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0052054 ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV10;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.



Đặng Thị Vân Hương